

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 19-9-2017
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trường Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lon.
Ông Lê Văn Lưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Tường Viên – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Anh - Kiểm sát viên. Vắng mặt.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/QĐHPT-ST ngày 01/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Q. N** - sinh năm 1984
Nơi cư trú: Tổ 16 V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn C. T** - sinh năm 1983
Nơi cư trú: thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Q. N trình bày: Bà và ông Nguyễn C. T đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã N. Quá trình chung sống, do ông T hay nhậu nhẹt và không có trách nhiệm với vợ con. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng và kéo dài, bà đã ly thân từ năm 2012 đến nay và không còn quan tâm, tình cảm với nhau nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Về con chung: vợ chồng bà có 01 con chung tên Nguyễn C. B, sinh ngày 28/9/2012, bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn C. T được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không lấy được lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn C. T vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành căn cứ Điều 227, 232 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Q. N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn C. T nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông T tự nguyện chung sống, kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 10/12/2012 nên Tòa công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Q. N và ông Nguyễn C. T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo lời trình bày của nguyên đơn là do tính tình không hợp nhau, ông T hay rượu chè, bỏ bê gia đình không có trách nhiệm với vợ con. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng và kéo dài dẫn đến không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng bà đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ năm 2012 đến nay. Ông T đã được tòa triệu tập đến tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ nhưng vẫn không có mặt là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Q. N, ông Nguyễn C. T thể hiện trong “*cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hay kinh cãi do bất đồng quan điểm và không còn sống chung với nhau 04 năm*”.

Do vậy, xét thấy tình cảm của bà N không còn đối với ông T, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Q. N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho cháu có đủ điều kiện tốt. Hiện tại, cháu B theo lời trình bày của bà N thì bà là người đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T không có mặt tại Tòa án là tự từ bỏ quyền yêu cầu về việc nuôi con chung. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Nguyễn C. B - sinh ngày 28/9/2012 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và bảo đảm được quyền lợi cho cháu là hợp lý.

[3.3] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Q. N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, 147, 227, 232, 264, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Bà Lê Q. N được ly hôn với ông Nguyễn C. T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn C. B - sinh ngày 28/9/2012 cho bà Lê Q. N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí: Bà Lê Q. N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0013246 ngày 10/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã Ninh Hòa.
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Trường Hải